

Bản án số: 61/2021/HS-ST
Ngày 03-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phước

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2021/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

HUỲNH VĂN T; Sinh năm 1991; tại Đắk Lắk;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;住所: 85 đường Y 2, phường G, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Huỳnh Văn L và bà Đặng Thị C (đều còn sống); gia đình có 03 anh chị em; bị cáo là con thứ 3; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01 tháng 02 năm 2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Hồ Hà Đ; sinh năm: 1975, địa chỉ: tổ 5, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh La Phong D; sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn A, xã Hòa S, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24 tháng 3 năm 2019, Huỳnh Văn T thuê của anh La Phong D 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Rondo biển kiểm soát 43A-294.24 với giá 13.000.000đ/ 01 tháng. Khi thuê xe, anh D đưa cho T giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên La Phong D (*bản photocopy có chữ ký và con dấu của Ngân hàng Tiên Phong Việt Nam*). Khoảng tháng 4 năm 2020, do công việc gặp khó khăn, bản thân nợ tiền nhiều người nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng thủ đoạn giả vờ bán xe ô tô nói trên để lấy tiền trả nợ, sau đó tìm cách lấy lại xe trả cho anh D rồi bỏ trốn. Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, T có quen biết với anh Hồ Hà Đ, biết anh Đ muốn mua xe ô tô nên T tìm cách lừa tiền của anh Đ. Để anh Đ tin tưởng và tránh bị phát hiện hành vi lừa đảo (do giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô chỉ là bản photo do ngân hàng cấp) nên T lên mạng Internet tìm kiếm và cung cấp thông tin cho một đối tượng (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) để đặt và làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 43A-294.24 mang tên La Phong D với giá 5.000.000đ. Sau khi có được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, T trao đổi với anh Đ về việc muốn bán lại chiếc xe trên cho anh Đ với giá 350.000.000đ, chỉ cần anh Đ đưa trước cho T số tiền 200.000.000đ, còn lại số tiền 150.000.000đ sẽ cho anh Đ nợ trong vòng 05 năm và không tính lãi suất, đồng thời T chụp ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả gửi qua mạng Zalo cho anh Đ xem trước. Anh Đ tưởng thật nên tin tưởng, đồng ý mua. Sau đó, anh Đ đã chuyển khoản cho T tổng cộng 200.000.000đ (*lần thứ nhất vào lúc 16 giờ 03' ngày 26 tháng 5 năm 2020, chuyển 100.000.000đ, lần thứ hai vào lúc 10 giờ 55 phút, chuyển khoản thêm 100.000.000đ từ tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn của anh Đ mở tại chi nhánh Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đến tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn của T*). Sau mỗi lần chuyển khoản, T có nhắn tin qua mạng xã hội Zalo trả lời cho anh Đ việc đã nhận được tiền.

Ngày 31 tháng 5 năm 2020, T mang xe ô tô trên cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến giao cho anh Đ. Số tiền chiếm đoạt được, T dùng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Đến tháng 6 năm 2020, T đến gặp anh Đ giả vờ mượn lại xe, rồi mang xe đến trả lại cho anh D do trong quá trình này T liên tục bị anh D đòi T phải trả lại xe, nguyên nhân là do T đồng ý mua xe của anh D nhưng không thành toán đầy đủ tiền cho anh D như đã hứa hẹn trước đây. Sau đó, T chặn liên lạc với anh Đ và bỏ trốn. Đối với chiếc xe trên, anh D khai sau khi T trả xe thì vào khoảng cuối tháng 7 năm 2020, anh D đã bán lại chiếc xe trên cho một người đàn ông ở tỉnh Nghệ An (*không rõ nhân thân, lai lịch*) với giá 410.000.000đ.

Vật chứng tạm giữ: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072929, tên chủ La Phong D (do anh Hồ Hà Đ giao nộp).

Ngày 17 tháng 10 năm 2020, cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đã ra Quyết định Trưng cầu giám định số 179/QĐ-ĐTTH để xác định giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072929 đứng tên La Phong D là thật hay giả.

Kết luận giám định số 120/GĐ-TL ngày 28 tháng 10 năm 2020, kết luận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cần giám định là giả.

Hiện vật chứng nêu trên được chuyển kèm hồ sơ vụ án.

Nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Huỳnh Văn T cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên đã đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, sau đó sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả đó dùng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác.

Trách nhiệm dân sự: Anh Hồ Hà Đ yêu cầu Huỳnh Văn T bồi thường số tiền 200.000.000đ, hiện Thành chưa bồi thường cho anh Đ.

Quá trình điều tra, Huỳnh Văn T đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Cáo trạng số 61/CT-VKS-TK ngày 12 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng truy tố Huỳnh Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù giam;

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam;

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu huỷ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả; buộc bị cáo Huỳnh Văn T bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của anh Hồ Hà Đ.

Tại phiên toà sơ thẩm, người bị hại - anh Hồ Hà Đ đề nghị Hội đồng xét xử tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Huỳnh Văn T.

Bị cáo Huỳnh Văn T trình bày đã nhận thức được hành vi phạm tội là sai trái, tỏ ra ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo với mức án thấp nhất để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng tháng 4 năm 2020, Huỳnh Văn T lên mạng Internet cung cấp thông tin cho một người chưa rõ nhân thân lai lịch để làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên La Phong D. Sau đó, đến tháng 5 năm 2020,

Thành đã có hành vi dùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả đã làm trước đó để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ của anh Hồ Hà Đ.

[2] Hành vi của Huỳnh Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với số tiền chiếm đoạt 200.000.000đ theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê truy tố đối với bị cáo Huỳnh Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người có trình độ học vấn nhất định, có đầy đủ sức khỏe và việc làm nhưng vì mục đích có tiền tiêu xài, trả nợ nên đã cố ý thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối là làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và lợi dụng sự cả tin của người đang có nhu cầu mua xe, để chiếm đoạt tài sản của họ nhằm thu lợi bất chính. Hành vi này của Huỳnh Văn T đã xâm phạm mối quan hệ tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước nên bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích răn đe, giáo dục.

[4] Xét những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có cha được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả 2 tội danh.

Riêng đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do người nhà bị cáo đã nộp được 1 phần tiền khắc phục hậu quả.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký giả của xe ô tô biển kiểm soát 43A-294.24, tên chủ sở hữu La Phong D theo Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của anh Hồ Hà Đ là 200.000.000đ nhưng người nhà bị cáo đã nộp 20.000.000đ nên bị cáo Huỳnh Văn T còn phải tiếp tục thi hành án số tiền là 180.000.000đ.

[7] Đối với đối tượng nhận làm giả chứng nhận đăng ký xe ô tô cho Huỳnh Văn T nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể. Việc này, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau.

Đối với anh La Phong D không biết Huỳnh Văn T sử dụng xe ô tô để lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Hồ Hà Đ nên cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý là có cơ sở.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; do đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù;

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù;

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Văn T là **10 (mười) năm tù**; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký giả của xe ô tô biển kiểm soát 43A-294.24, tên chủ sở hữu La Phong D.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Huỳnh Văn T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của anh Hồ Hà Đ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu số 007568 ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Bị cáo Huỳnh Văn T còn phải tiếp tục thi hành án số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Huỳnh Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an Q.Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS Công an Q.Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q.Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai